

Some reflections on anthropological structural Marxism.

Stephen Nugent

Journal of Royal Anthropological Institute, 13:2, pp.419-431

Một số nhận xét về Chủ nghĩa Marx cấu trúc trong nhân học

Tác giả: STEPHEN NUGENT, Goldsmiths College, University of London

Correspondence to Department of Anthropology, Goldsmiths College, University of London, New Cross, London SE14 6NW, UK. ana01sln@gold.ac.uk

Nguyên bản: Stephan Nugent 2007. "Some reflections on anthropological structural Marxism." *Journal of Royal Anthropological Institute*, 13:2, pp.419-431

Người dịch: Nguyễn Văn Sửu, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt

Chủ đề chính được thảo luận ở đây là một tóm lược về chủ nghĩa Marx cấu trúc trong nhân học (*anthropological structural Marxism*) và khả năng về tính phù hợp của nó hiện nay. Vấn đề này được gói gọn trong một số câu hỏi tổng quát: dựa vào cơ sở nào mà các lý thuyết giải thích được du nhập vào và bị loại khỏi nhân học? Thảo luận về 'structural Marxism' được trình bày trong các tranh luận gần đây về sự khát khao của nhân học văn hóa-xã hội vốn có truyền thống gắn kết với các lĩnh vực khác của nhân học và được lập luận rằng sự chia tách của các lĩnh vực là một sự chuyển dịch lý thuyết mang tính thụ lùi.

Giới thiệu: Lý giải và tính tổng thể

Các cuộc tranh luận về 'lý thuyết' (*theory*) trong nhân học thường rất chua cay, không được giải quyết và hay được thực hiện thông qua việc tạo nên quyền lực biểu tượng chứ không phải là chứng cứ thông thường. Một phần vì chức năng và thái độ đối với 'lý thuyết' chuyển dịch từ vị trí có vấn đề của 'dân tộc chí' (*ethnography*) và cùng lúc việc diễn đạt mang tính tự sự tài liệu thực nghiệm và cũng là một gói tài liệu thường được bao bọc bởi các giả định về hệ quả, tính logic hợp lý và sự gắn kết bản năng. Một nguồn khác của tính tranh cãi của 'lý thuyết'¹ có thể không phải là một sự huyền bí như là một 'dân tộc chí' mang tính bá vật: nỗ lực duy trì các đồng minh với cái mà C.P. Snow (1993 [1959]) đã mô tả một cách nổi tiếng là 'hai nền văn hóa' (*two cultures*) – văn hóa của các ngành khoa học tự nhiên và văn hóa của các ngành khoa học nhân văn – như thế thì nhân học cân bằng một cách tự có ý thức giữa các xu hướng khái quát hóa và tương đối hóa.

Các nỗ lực gần đây nhằm giải quyết sự căng thẳng/mập mờ này bằng việc tuyên bố một bên là 'diễn giải' đối ngẫu với một bên là kỹ xảo 'khoa học' đã chấm dứt (xem các đóng góp của Segal & Yanagisako 2005) chủ yếu phụ thuộc vào việc định nghĩa lại sự phân công lao động của nhân học với một trường phái gắn với 'cuộc khủng hoảng của tính đại diện' (*crisis of representation*) và một trường phái khác xoay quanh 'tâm lý học tiến hóa' (*evolutionary psychology*). Tuy nhiên, việc định nghĩa lại ngành học không làm mất đi hay giải quyết được – trừ trường hợp loại bỏ – sự tiến thoái mang tính lưỡng nan của một ngành nhân học cố gắng

Một trong các vấn đề được nhấn mạnh trong cuộc xung đột giữa ‘hai nền văn hóa’ của nhân học – tính không kiên định về sức nặng tương đối của các xu hướng khái quát hóa và tương đối hóa của nhân học – thường là một đặc tính mang tính biến số về tiêu chí được sử dụng để quyết định xem liệu một sự giải thích là mạnh hay yếu.³ Cách sắp đặt này thường được tiết lộ theo cách ‘lý thuyết’ dường như là một cái móc gắn kết tổng thể hơn là một tiền đề công việc (*working premise*), một số khía cạnh của nó có thể được giữ lại, một số khác bị loại bỏ khi chúng mất đi giá trị giải thích. Một lý giải chức năng luận-cấu trúc được phát lộ về các nội động năng của một hệ thống xã hội, chẳng hạn như có thể mang lại một chút hiểu biết nào đó về quá trình chuyển đổi, song lại không thể chỉ ra các hạn chế của quyền năng lý giải, mà không phải việc thiếu lý thuyết kinh niên. Đặc tính duy danh của ‘lý thuyết’ trong nhân học chống đỡ cho khuynh hướng quỷ hóa của ngành học (xem Wolf 1994).

Một vấn đề liên quan đến tài liệu ‘chuẩn’ chiết trung có xu hướng tích tụ hơn là tiếp nối/liên tục. Một nghiên cứu điển hình là bổ sung thêm vào đồng tư liệu mà không thay thế các lý giải có trước. Lịch sử phát triển của ngành học được gắn chặt vào chính tài liệu cơ bản có thể không mang lại ý nghĩa tái đánh giá liên tục, tái định hướng và tái hiệu chuẩn về các chiều cạnh lý giải của ngành học,⁴ song nó có thể cũng tạo nên một làn khí độc.⁵ ‘Lý thuyết’ đã duy trì một sự thấu hiểu đối với các thành tố tạp nham bao gồm cả tính tổng thể của nhân học lại ít kiểu mẫu hơn là chia ra từng phần. Một số khu vực mà trong đó sự giải thích liên tục hơn là diễn giải có vị trí chủ đạo có thể chỉ là một sự thích nghi kỳ cục (nếu có) trong một số các quan điểm về tính tổng thể, nhưng thường lại bị quỷ hóa (*demonized*) như thể mang tính thực chứng (*positivistic*) hay chỉ đơn giản được xem như là không thuộc về nhân học.

Sự thoái lui của chủ nghĩa Marx cấu trúc trong nhân học (sau đây viết tắt là ASM)⁶ có thể là một ví dụ về một lý thuyết giải thích bị gạt ra rìa không phải là vì lý thuyết yếu, mà là một loại lý thuyết ‘sai’, ‘cái sai’ theo nghĩa nó thách thức tính diễn giải tổng thể đang ngày càng nổi bật. Các lý giải của nó không chỉ là về những sự bổ sung cho tài liệu, mà là nó thay thế các lý giải khác theo cách đánh bật một cách không dung tha một số khía cạnh của tính tổng thể nhân học. Ví dụ, có một tính tổng thể trong các luận điệu của các nhà chức năng luận về tính phụ thuộc lẫn nhau của các cấu trúc thân tộc, chính trị và kinh tế mà các cấu trúc thân tộc, chính trị, kinh tế có thể đầy đủ ở góc độ mô tả, nhưng chủ yếu chứa đựng quyền lực ẩn dụ (*metaphoric power*) trước các lý giải về biến đổi xã hội đòi hỏi xác định rõ các yếu tố nguyên nhân.⁷ Đó là một vấn đề gắn kết với tính tổng thể vì mục đích lý giải sự phụ lẫn nhau một cách phức tạp của nhiều chiều cạnh khác nhau của tính xã hội, nhưng một vấn đề khác đòi hỏi sự lý giải nhân quả đó luôn tìm kiếm sự đối chiếu thông qua tính tổng thể.⁸

Dù mối quan hệ lịch sử rất dài giữa nhân học với chủ nghĩa Marx,⁹ một chuyên ngành nhân học công khai dựa trên nghiên cứu của Marx và Engels (hơn là chủ nghĩa Marx chính thống) trở thành một đặc điểm nổi bật của diễn ngôn nhân học trong những năm 1960. Chẳng hạn, Vincent (1985: 137) cho biết hầu hết các danh mục tài liệu tham khảo của Wessman trong

Lợi thế lý giải của ASM đối với chức năng luận chính thống diễn trong một bối cảnh được lồng ghép: ở một cấp độ, một thể hiện về sự phê bình phổ quát hơn đối với ngành học diễn ra trong những năm 1960;¹⁰ còn ở một cấp độ cao hơn, một biểu hiện về một ngành học vẫn còn thoải mái như là một ngành lịch sử-xã hội hơn là một sự áp chế đối với các ngành nhân văn. Với một sự dịch chuyển chung của ngành học theo hướng thông diễn chữ nghĩa mang tính biểu tượng (*literary-hermeneutic-symbolically*) được đánh dấu bằng việc xuất bản cuốn *Writing culture* (Clifford & Marcus 1986)¹¹ – và là cái tinh túy của 'nhân học tổng thể' (được phác họa một cách hùng hồn trong Segal & Yanagisako 2005), thì các chất lượng đặc thù và tinh tế trong phê bình của ASM bị che giấu. Ở một cấp độ cao hơn nữa, trong khi sự dịch chuyển văn học dường như tăng quyền cho nhân học thông qua một sự nhấn mạnh đến tính đa ngành, thì nó lại là một xu hướng cho các khuynh hướng mang nhiều tính học thuật hơn (hay học thuật) để được biết đến với các chuyên ngành cụ thể có cùng nguồn gốc – kinh tế học, tiến hóa luận, chính trị học, tâm lý học – và ở một số khía cạnh thì nó lại biến mất trong các dòng chảy chính thống mới của nhân học.

Kể cả nếu như khuynh hướng thống lĩnh ngành học đã tái cấu trúc tính tổng thể của ngành học theo cách cởi mở, nghi vấn các giá trị của những liên kết khoa học, thì lý lẽ về sự hợp lý đối với quyền năng văn hóa của nhân học như 'người kể chuyện được thông báo tốt nhất' (chống lại các thách thức đối với địa vị tương tự từ phía các NGOs, nghiên cứu phát triển/khu vực, trải nghiệm du lịch', du ký, vân vân), vẫn còn dựa vào kiểu khoa học và sự bài trí hiện thực (ví dụ xem Besteman & Gusterman 2005). Ở một số khía cạnh, điều mà ngày nay chính là sự can thiệp đã bị loại bỏ của ASM có thể được coi là một lời tuyên bố quan trọng về một nền nhân học tổng thể khác, đó chính là: một sự quan tâm khác đối với tính đầy đủ của lý thuyết hơn là tính hợp lý của lý thuyết.

Nhân học kinh tế

ASM xuất hiện trên cơ sở một số tác động, trong đó có một nhận thức nhân học chính thống về một nền kinh tế bộ lạc, tiền hiện đại, theo hình thức lý tưởng hóa, sự phân công lao động

chủ yếu được tạo nên bởi các nhân tố giới và tuổi tác. Nhân học kinh tế bị thúc ép phải trở thành một chuyên ngành của nhân học trong một bối cảnh tái cấu trúc địa chính trị sau khi Chiến tranh Thế giới II kết thúc cùng với những cuộc tranh luận lý thuyết nổi trội chủ yếu xoay quanh sự phân biệt giữa hình thức luận và bản thể luận (*substantivist-formalist*). Theo một tài liệu, trong khi nhân học kinh tế có nghĩa là ‘kinh tế học trong bối cảnh bộ lạc/nông dân’, thì nó cũng bao hàm khái niệm về sự gắn kết, nghĩa là sự thể hiện logic kinh tế thông qua một chuỗi hay là một ống lọc các quan hệ xã hội (ví dụ như thân tộc và chính trị), một nền kinh tế phi tự trị¹² cùng với những gì mà Polanyi (1944) đã chỉ ra và được thấy rất rõ trong các nghiên cứu của Sahlins (1972).

Tuy nhiên, ở một số khía cạnh, cuộc tranh luận *substantivist-formalist* có những mục đích liên ngành rất quan trọng. Ở một cực, các nhà *formalists* khẳng định rằng một định nghĩa mang tính thị trường về tính hợp lý kinh tế chẳng có gì nhiều để nói về những nền kinh tế phi thị trường, trừ các trường hợp mà các nền kinh tế bất hợp lý một cách điển hình. Ở một cực khác, các nhà *substantivist* cho rằng logic kinh tế luôn tùy thuộc vào các logic văn hóa đa dạng bào mòn viễn cảnh của khái niệm phổ quát về cái kinh tế (*the economic*). Trong thực tế, mỗi quan điểm này quan tâm đến một loại mục tiêu kinh tế rất khác nhau, trong đó, về cơ bản *substantivism* quan tâm đến các cấu trúc của *material provisioning* bất chấp về mặt văn hóa chúng được thể hiện như thế nào, còn *formalism* chỉ quan tâm với các cấu trúc của *material provisioning* được thể hiện bằng giá cả.¹³ Sự lẫn lộn của các mục tiêu được Godelier (1972: xxviii) nhấn mạnh trong các bình luận của mình về lời khuyên đầy mâu thuẫn ghi trong *Notes and queries on anthropology* (Royal Anthropological Institution of Great Britain and Ireland 1960), trong đó, những nhà nghiên cứu điền dã được hướng dẫn là vừa phải tôn trọng vừa phải chối bỏ kinh tế học ‘thông thường’.

Một ảnh hưởng quan trọng khác đối với sự xuất hiện của ASM là sự thể hiện toàn cầu mới về *economic formalism* thông qua quan điểm của một lý thuyết hiện đại hóa, một lý thuyết đề xuất một hình thức cứng nhắc về chủ nghĩa tiến hóa kinh tế lên cảnh quan nhân học. Từ lợi thế của nhân học, tính đa dạng của các xã hội được nhân học quan tâm (cho dù được mã hóa là các bộ tộc, tộc người, dân tộc hay các chủng tộc) cũng như tính đa dạng của các mối liên kết của các xã hội này với các hệ thống lớn hơn lại được thể hiện một cách chưa đầy đủ bởi các *modernizationist prescriptions*. Trong bối cảnh và khuôn khổ mới do lý thuyết hiện đại hóa tạo ra – được hiện thực hóa theo một hình thức rõ ràng hơn với sự bá chủ của chủ nghĩa tân tự do (*neoliberalism*) trong những năm 1980 – vị trí của nhà *formalist* trở thành một sự biểu hiện của nhân học ứng dụng, còn *substantivism* đại diện cho một loại *truculent romanticization* về chủ nghĩa tiền tư bản. Bất chấp thực tế rằng ‘nhân học kinh tế’ xuất hiện như thể để thay thế lý thuyết hiện đại hóa kiểu quy nạp vốn đã được đề cập nhiều và có xu hướng một chiều, tính không thể so sánh giữa lập luận của *formalist* và *substantivist* trong việc tổng hợp một lý thuyết đủ thay thế được nhấn mạnh. Ở một góc độ nào đó, dù chưa đưa ra được một lý thuyết đầy đủ để lý giải cho cái đã diễn ra trong thế giới nhân học bị cản trở bởi một chương trình mới của các nhà lý thuyết hiện đại hóa,¹⁴ song mỗi yếu tố bao hàm đó có thể được chấp lại thành một sự tổng hợp phù hợp thông qua ASM, hay kinh tế chính trị, hoặc nhân học Marxist, đã cố gắng hợp nhất với các lý giải lịch sử và chức năng luận.

Một cảnh quan nhân học mới

Nhiệm vụ ban đầu của dự án nhân học hiện đại là thu thập tài liệu và xây dựng mô hình cho các hệ thống văn hóa xã hội xa lạ.¹⁵ Một dự án có nguồn gốc từ hướng này phân tích về các thể chế của các thể chế này là các hệ thống tự sản sinh.¹⁶ Dự án 'khám phá về sự quy định' được thực hiện dưới khuôn khổ một số tiểu mục (ví dụ như nhân học biểu tượng, chức năng luận cấu trúc, quyết định luận môi trường, văn hóa và tính cách, v.v.) và cho dù đã được thông báo về sự biến đổi trường kỳ trong các nhân tố hay thành tố có ưu việt nhất định, cũng vì thế, một số khuynh hướng giải thích, gợi ý cho rằng thực tiễn nhân học chính nó được khuôn đúc bởi một sự lồng ghép trong thế giới hiện đại, được coi là một sự khiêu khích. Cả hai tuyển tập của Hymes (1969) và của Asad (1974) đều chứa đựng các lập luận về tác động cho rằng mặc dù các chủ đề và vấn đề đối tượng của nhân học có thể theo một số nghĩa và trong một số trường hợp dường như 'nằm ngoài lịch sử', thì mối quan hệ giữa nhân học với các đối tượng của nó thì lại không. Nhưng lập luận chứa đựng trong hai tuyển tập đầy ảnh hưởng này được thừa nhận một cách rộng rãi như là *sai sót*, nếu không phải là *sự thóa mạ*, song nó lại không thể để cho các phê bình để bắt bẻ tính hệ thống hiển nhiên của các mối quan hệ nhất định giữa, ví dụ, các truyền thống nhân học quốc gia và các đối tượng nghiên cứu ưu tiên của mỗi truyền thống này. Liệu có phải người Hà Lan chuyên về Đông Nam Á là một sự phản ánh về sự hấp dẫn tự nhiên? Liệu các dân tộc ở Nam Mỹ, Trung Mỹ và Bắc Mỹ thu hút sự quan tâm của các nhà nhân học Bắc Mỹ? Có phải châu Phi và châu Á trở thành điểm quan tâm của nhân học Anh một cách tình cờ? Dĩ nhiên, các hiệp hội này không phải là các hiệp hội bị thách thức một cách trực tiếp; hơn thế, điểm nhấn mang tính bảo vệ được đặt lên các cấu trúc gán cho, nhưng hiếm ai chỉ ra rằng thực hành nhân học có xu hướng không phải là phụ thuộc lẫn nhau (không có một người Inuits nào diên dã ở Shaker Heights, chẳng có người Dinka diên dã ở Peckham) và tính chủ quan chính trị có xu hướng là một điều kiện tiên quyết của tính chủ quan nhân học.

ASM xuất hiện trong bối cảnh của một cảnh quan địa chính trị được điều chỉnh một cách mạnh mẽ vì nó chuyển dịch từ cái được gọi ở đây là thực dân – chuyển sang – thực dân mới đã được củng cố. Sự khủng hoảng kinh tế mà người ta tiên đoán theo sau cuộc Chiến tranh Thế giới II đã không xảy ra và những năm ngay sau chiến tranh lại cho thấy một sự chuyển đổi mạnh mẽ của các xã hội tiền tư bản và cận kề tư bản, những lĩnh vực khám phá của ngành học.

Một số điều chỉnh

Những vay mượn lý thuyết của Mác trong ASM có xu hướng phi chính thống, đôi khi được gọi là 'Tân mác xít', không phải là một bức biến họa về sự áp dụng công thức của lý thuyết – một mẫu chủ đích của chủ nghĩa duy vật lịch sử - mà là một đề xuất một loạt các lý giải mang tính giả thuyết. Trong bối cảnh còn thiếu tài liệu nhân học thực nghiệm ở thời điểm Mác và Ăng-ghe-nen xây dựng các lý thuyết của họ, thì cách duy nhất để áp dụng các lý thuyết của họ đối với tài liệu dân tộc học như sau đó đã xuất hiện đều mang tính phỏng đoán/giả thuyết. Vấn đề quan trọng đối với tính chân xác của ASM là không phải 'chủ nghĩa Mác tốt như thế nào', mà là các lý giải xuất hiện sau đó tốt như thế nào.¹⁷ ASM phải đối mặt trực diện với sự

khẳng định rằng chủ nghĩa Mác chỉ phù hợp với phân tích về các xã hội tư bản qua việc nhấn mạnh đến các động năng của sự kết nối giữa chủ nghĩa tư bản và tiền tư bản và ở một mức độ thấp hơn là tập trung vào các định nghĩa lỏng lẻo ít mang tính thời gian về chính các sự phân loại này.¹⁸

‘Chủ nghĩa cấu trúc’ cũng có mối quan hệ chặt chẽ với ASM cho dù một số lý do khác đối với việc áp dụng vào mối quan hệ Mác xít. Cấu trúc luận có nhiều mối quan hệ thân thuộc với những người cho rằng một định nghĩa phổ quát là điều không thể. Những phiên bản khác nhau của cấu trúc luận phù hợp với nhân học vào các thời điểm chúng gắn với Lévi-Strauss và Althusser, nhưng thực tế cho rằng ASM nhìn chung được đúc rút ra từ lĩnh vực cấu trúc luận hơn là cái quyền năng cấu trúc nào cho thấy có vấn đề.

Đó chính là sự mô phỏng xã hội học cơ bản khá cổ điển của Lévi-Strauss (1961: 60-1) dường như là một sự đối lập, sự ám chỉ của ông đối với Marx, Freud và địa lý học – ba công chúa – như đã được chỉ ra: một cái gì đó không thể hiểu một cách trực tiếp, nghĩa là giả sử/giả thuyết (mà sau đó mô hình) trên cơ sở những bằng chứng hữu hình (mang tính vật chất hay ứng xử) sẵn có đối với một sự điều tra trực tiếp, hoàn toàn không phải là một cách tiếp cận khoa học thông thường. Trong khi cấu trúc luận của Lévi-Strauss phù hợp với những vấn đề mang tính đại diện hơn (đề xuất của tâm trí từ vật chất), Althusser lại đưa ra một khung kinh tế chính trị để phân tích so sánh.

Nói như thế không có nghĩa là để gợi ý rằng ‘cấu trúc luận’ và ‘chủ nghĩa Mác’ chỉ được thêm vào để tăng cường thể loại/để làm cho một, mà là để gợi ý rằng sự trừu tượng lý thuyết gắn với các dự án cơ quy mô lớn về giai đoạn, chẳng hạn như của Hindess và Hirst (1975), không nhất thiết tạo thành một phần quan trọng của ASM. Sự chia tách lý thuyết ngụ ý trong ASM rõ ràng có sự vay mượn ở đâu đó trong khung cảnh của các cuộc thảo luận tân Mác xít, song trong mối quan hệ với chức năng luận cấu trúc, sự dịch chuyển của ASM là một sự trở dậy khiêm tốn của các nguyên tác lý giải.¹⁹ ASM đặt vấn đề: ở cấp độ phân tích nào thì có thể phân biệt các cấu trúc bên trong của xã hội phi thị trường có tên là X trong khi lại làm rõ được các mối quan hệ theo đó (xã hội tiền/phi tư bản) hoạt động với sự liên kết với xã hội tư bản theo kiểu xã hội tư bản chủ nghĩa (nghĩa là phụ thuộc vào nó và/hay cùng tồn tại với nó). Giả thuyết mạnh mẽ là ở cấp độ các cấu trúc kinh tế/vật chất định vị rằng ai đó có thể thể hiện cả động năng bên trong của chủ nghĩa tiền tư bản và sự tương thích của chủ nghĩa tư bản và tiền tư bản. Vì các mục đích diễn giải, Wolf (1981) theo đuổi cách lập luận này (mà không cậy nhờ đến phương thức sản xuất gắn kết với ASM) trong so sánh của ông về các phương thức tư bản, công nạp, thân tộc về sự huy động lao động.

Bất chấp sự nhấn mạnh vào ‘lý thuyết’ trong hầu hết các bình luận về ASM, các nghiên cứu trường hợp dân tộc học lại nhấn mạnh rằng ASM có xu hướng rất thẳng thắn. Tính minh bạch của mục tiêu lý giải được diễn đạt rõ ràng trong nghiên cứu của Meillassoux (1981), trong đó, bất chấp quy kết của O’Laughlin (1977) – trong số nhiều học giả khác – về một sự mập mờ cơ bản và hạn chế, Meillassoux đề xuất một sự giải thích rất hợp lý cho việc bảo tồn một cộng đồng tiền tư bản trước sự hiện diện của bóc lột thông qua việc kết nối với chủ nghĩa tư bản,

một sự giải thích rất giống với sự giải thích được Wolpe (1972) đưa ra trong phân tích của mình về 'quê hương bộ lạc' và chủ nghĩa apartheid Nam Phi.²⁰

Tuy nhiên, sự rõ ràng về lý thuyết còn thiếu trong Meillassoux, nghiên cứu 'Mediation of contradiction: why Mbum women do not eat chicken' (1974) của O'Laughlin là một sự thể hiện các phân tích lý thuyết ít ồn ào được đúc rút từ ASM theo cùng cách mà nó đã dựa vào chức năng luận cấu trúc cơ học. Không có tính không tương hợp (hay thiếu kiên định) 'lý thuyết', khi lý thuyết hoạt động để trợ giúp cho sự diễn giải, không cắt xén bớt một hoặc nhiều vị trí đối nghịch. Trong ví dụ của mình, phân tích chức năng luận cấu trúc định nghĩa các giới hạn của một hệ thống phân tử hóa trong khuôn khổ sự kiểm soát của những kẻ bên trên của hàng hóa trao đổi ngoại thương cho phép sự duy trì của chúng về quyền lực hợp pháp về văn hóa. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng trong hệ thống đảm bảo sự tích lũy thắng dư của nam giới có vị thế, đảm bảo dòng/sự trao đổi của các nguồn vật chất cơ bản cần thiết để duy trì tính tự trị của người Mbum. Cách tiếp cận này không làm mất đi sự khác biệt của xã hội Mbum (hay làm tổn hại phân tích chức năng luận cấu trúc), song lại đặt ra các vấn đề mới rất lý thú (chẳng hạn như sự kiểm soát của nam giới lớn tuổi về các hàng hóa trao đổi với bên ngoài – và phụ nữ tiêu dùng chúng – tạo nên sự bóc lột?). Điều lý thú chính là cách mà các mối quan hệ sản xuất tạo nên các đặc tính của xã hội địa phương kết nối với các mối quan hệ sản xuất chính ở các xã hội lân cận. Một ví dụ tương tự được đề cập trong nghiên cứu của Kahn (1975; 1981), trong đó các động năng sinh tồn mang tính tự cấp tự túc và sản xuất hàng hóa nhỏ trong khuôn khổ xã hội nông dân Sumatran duy trì một mối quan hệ bán tự trị móc nối với một số các cấu trúc kinh tế khu vực/quốc gia khuôn đúc đường biên của xã hội địa phương.

Nhưng kiểu nghiên cứu tỷ mỉ này, cho dù còn khá ít,²¹ đại diện cho một ASM được tạo nên trong thực tiễn dân tộc học cũng như trong tham vọng mô hình hóa, tuy chúng có xu hướng bị che lấp bởi một sự trệch hướng lý thuyết có nguồn gốc từ việc ASM chỉ là một góc nhỏ của Chủ nghĩa Marx phương Tây. Đối với một số người, có khi một sự hội tụ đa ngành và ở một mức độ mang tính hình thức có thể cũng trở thành một cản trở lớn. Ví dụ, nhiều người đã chú ý đến *Precapitalist modes of production* (1975) của Hindess và Hirst là một phần của một sự thái quá lý thuyết,²² trong đó các mối quan tâm về chủ nghĩa duy vật lịch sử - sự khám phá được thông báo về sự phát triển mất cân đối dường như không đáng kể so với *emergent hyper-theory*. Nhìn lại, phần lớn nghiên cứu này một khi được nhận dạng là có liên quan quan trọng đến ASM – tài liệu về sự ủng hộ và sự phê bình của Althusser, một nguồn rõ nhất – giờ đây dường như hoàn toàn hữu hình đối với các mối quan tâm lâu dài của nhân học.

Các nghiên cứu quan trọng dựa trên điền dã được trích dẫn trong *Marxism and primitive societies* (1972) của Terray, một tuyển tập có nhiều ảnh hưởng nhất trong số các chuyên luận đầu tiên. Chúng đại diện cho nghiên cứu quan trọng đầu tiên mang tính ASM Pháp được dịch và chuyển tải trực tiếp sang nhân học Anh và Mỹ. Chúng cũng cho thấy một sự căng thẳng giữa những người bị tiên định bởi tiến hóa luận với các nỗ lực phác họa lên những đặc tính kinh tế 'nguyên thủy'. Thêm vào đó, dù vậy, chúng đánh giá thấp mối quan hệ giữa vấn đề thực dân và 'các hình thức xã hội nguyên thủy'. Ví dụ, Terray viết về hai chương cuối trong

cuốn *L'anthropologie économique des Gouro* (1964) của Meillassoux như sau: 'các chương này lý thú làm sao trong các nghiên cứu của Meillassoux, tôi nghĩ rằng giai đoạn thuộc địa có thể là vì chúng không còn mới và nguyên gốc hơn phân tích của tác giả về nền kinh tế truyền thống' (Terray 1972: 96).²³

Nó liên quan đến vấn đề thứ ba – bối cảnh thuộc địa – đó là hai xu hướng hoàn toàn khác nhau – đều được nhận biết là ASM – trở nên rõ ràng. Một trong hai khuynh hướng này liên quan đến đặc tính của đối tượng nhân học – một bộ tộc/xã hội/đơn vị văn hóa gắn kết khác biệt với cái gì đó triu tượng. Bất chấp một kho lý thuyết dường như là để ám chỉ một sự giải trừ của các tiếp cận nhân học, Terray tóm lược chủ đề truyền thống. Xu hướng thứ hai – biến đổi xã hội liên quan đến trọng tâm của sự biến đổi kinh tế – lại ít được đề cập đến trong cuộc khẩu chiến mang tính định nghĩa gắn với sự quan tâm đến sự chân xác của các định nghĩa và các điều kiện của các phương thức sản xuất và gắn kết nhiều hơn đối với vấn đề kết nối: nghĩa là các mối quan hệ tư bản và tiền tư bản và các xã hội cùng tồn tại như thế nào?²⁴

Một hệ quả của sự ép buộc kỳ cục về các xu hướng định nghĩa và lý giải bên dưới đề mục đơn nhất đó là nghiên cứu thuần túy 'lý thuyết' dường như nhiều hơn nghiên cứu dựa vào thực nghiệm. Thêm vào đó, có một ý nghĩa nào đó theo cách nhân học kinh tế được tiếp cận từ quan điểm Marxist bị coi là 'mang tính quyết định luận kinh tế', phải trả giá bằng sự đánh giá đúng mức cái 'văn hóa', nhưng các nghiên cứu thực nghiệm được tạo nên 'dưới sự ảnh hưởng' (xem, ví dụ các đóng góp đối với Bloch 1975; Kahn & Llobera 1981²⁵) trong thực tế không thể hiện sự phụ thuộc cơ học này. Thêm vào đó, sự buộc tội về quyết định luận kinh tế dường như đặc biệt thiếu trung thực trong kỷ nguyên của chủ nghĩa tân tự do tiếp theo, trong đó thị trường chiếm ưu thế và nhân học văn hóa dường như sẽ phát triển.

Trong khi phê bình về những thiếu sót của các cách tiếp cận đối với việc phân tích 'kinh tế nguyên thủy' thường bị chỉ trích (ví dụ Godelier 1972), thì sự phê phán một cách khắt khe lại được giành cho các trận địa mang tính nổi da nẫu thịt và những nghiên cứu nổi bật trong cũng như xung quanh ASM lại ít chú ý đến sự ủy quyền Marxist (*credentialism*). Những đóng góp có ảnh hưởng trong các tuyển tập của Bloch (1975), Kahn và Llobera (1981) đại diện cho các ví dụ về cả ba khuynh hướng được phân loại trong nghiên cứu của Terray (1972), cũng như là các ẩn ý rõ ràng về chiều ngang lý giải có thể được mở rộng như thế nào. Cụ thể, nghiên cứu của Kahn (1975) và Friedman (1975) gợi lên một quan điểm toàn cầu thúc đẩy mạnh mẽ đối tượng phân tích của nhân học nằm bên ngoài cuộc tranh luận gắn với hệ thống 'ở cấp độ địa phương' và được quy định bởi ngôn từ lý thuyết của loại chủ nghĩa thực nghiệm gắn với chức năng luận-cấu trúc kiểu Anh.

Một sự đánh giá lạc quan được đưa ra trong tuyển tập của Kahn, Llobera (1981) và ASM dường như là một ứng cử viên nặng ký cho việc kết hợp những lợi thế trong các phân tích đồng đại (được vay mượn từ chức năng luận-cấu trúc, cấu trúc luận và lý thuyết hệ thống²⁶) và phân tích qua thời gian (*longue durée* cũng như là 'lịch sử của các sự kiện', à la Braudel). Triển vọng của một nền ASM trưởng thành trong đó lợi thế lý thuyết – có thể nói là một sự chất lọc của một chương trình diễn giải – tiến triển với một sự sắp xếp lại một cách có hệ

thống những kết quả về số lượng ngày càng nhiều các tài liệu dân tộc học có cuộc sống ngắn ngủi. Thay vào đó, ASM được coi là một sản phẩm phức hợp, một đầu gạch nối bị loại bỏ (*hyphenate-reject*) của ngành công nghiệp hóa chất dân gian chuyên sâu trong lĩnh vực kết hợp các thành tố như thế của những người 'Pháp', các nhà 'chức năng luận cấu trúc', 'tân Marxist' và 'cấu trúc luận', phụ thuộc vào sự kết hợp và bối cảnh – một sự đan xen lam phức tạo hóa của sự chấp thuận và sự súc phạm.

Còn chưa mang đến một mối liên kết quyền năng và *substantial* giữa nền nhân học về các xã hội tiền tư bản với nhân học về các xã hội của các mối quan hệ khác nhau với chủ nghĩa tư bản, di sản của ASM được phản ánh trong 'Marxism and anthropology' (1996) của Spencer và *A history of anthropology* (2001) của Eriksen và Nielsen – chỉ dẫn hai lý giải đầy tính phê bình, song không hoàn toàn có hệ thống – dường như hoàn toàn mờ nhạt. Spencer viết về ASM và cố gắng kết phân tích giai cấp ở các cấp độ địa phương và toàn cầu, rằng 'đây là những vấn đề quan trọng cho bất kỳ một sự hiểu biết nào về thế giới hiện đại (Wolf [1982] cung cấp một sự tổng hợp đầy kỹ năng và thận trọng về nghiên cứu này), nhưng các kết quả lại không ấn tượng một cách kỳ cục' (1996: 353). Ông tiếp tục:

Tóm lại, chủ nghĩa Marx cấu trúc bị đe dọa bởi hai khả năng đối đầu: vì chủ nghĩa Marx tương đối khác biệt đối với các vấn đề của dân tộc học và văn hóa, và vì thế, không đặc biệt đối với nhân học; hay trong tay các nhà dân tộc học như Godelier và Maurice Bloch, nó đã trở thành hiển nhiên văn hóa hơn, song xem ra lại ít tin cậy đối với các nhà Marxist (1996: 353).

Eriksen và Nielsen, người đã trích dẫn lời phán quyết 'chẳng người này thì người khác' của Spencer, đã thêm rằng 'vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác trong nhân học đã và đang cơ bản là lý thuyết về xã hội tư bản và đó là bức thông điệp của nó về các “xã hội tiền tư bản” đã được thể hiện trong ngôn ngữ của tiến hóa luận đơn tuyến' (2001: 116).

Đặt một bên những vấn đề về sự sắc sảo của các phán quyết cụ thể này, thì thật khó có thể tranh cãi với quan sát của Eriksen và Nielsen's về tổng quan đầy tính lạc quan vào năm 1981 của Kahn và Llobera rằng ASM 'đã thất bại như là một xu hướng gắn kết khi mà bài tổng luận cuối cùng đã được xuất bản' (2001: 116).

Tuy nhiên, không có một trong các phê bình nào hoài cổ lại hoàn toàn đáng tin cậy trong việc lý giải về sự khác biệt giữa sự căng thẳng về lợi ích trong các khía cạnh mới của ASM, dù chết yểu, cũng như sự nhút nhát của lời bình luận đầy tính phê bình ngay sau đó. Đánh giá 'thiếu ấn tượng một cách kỳ cục' về di sản của ASM cũng như sự gợi ý rằng sự sụp đổ của ASM là do nó bị giam hãm trong 'cái ngôn ngữ của tiến hóa luận đơn tuyến' ngụ ý một số thiếu sót của tính phù hợp giữa chủ nghĩa thực tế và sự hy vọng, nhưng sự phán xét này dường như là dựa trên nền tảng của tính phù hợp của những nhãn mác hơn là tính đầy đủ trong lý giải phù hợp. Trong quá trình thảo luận của mình về Morgan, Terray dĩ nhiên đã gọi ra một chủ nghĩa Mác kiểu giai đoạn (*a stage-ist Marxism*), nhưng thật khó để mà biết trong các cuộc thảo luận được mô phỏng về các phương thức sản xuất và sự biểu đạt (xem Foster-

Carter 1979) rằng cuộc thảo luận của các nhà tiến hóa luận tiếp tục điều khiển vị trí trong tổng thể hồ sơ về ASM. Tương tự, một sự tách biệt của ‘học thuyết Mác’ và ‘cái văn hóa’ thì lại không dễ gì có thể nhận ra, đây là một sự thất bại trong tài liệu mà dường như rõ ràng bị chiếm giữ từ trước sự đánh giá về bản chất của các mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các cấu trúc kinh tế và phi kinh tế. Tóm lại, những cuộc giải phẫu Spencer và Eriksen/Nielsen mang đến cho thấy gói tư tưởng của ASM nhiều hơn là chúng thông báo về một sung lực mang tính *substantive* và tiềm năng như là một lợi thế về các lý thuyết nhân học hiện có về biến đổi xã hội ở cả cấp độ chuyên ngành nhân học kinh tế hay nhìn chung ở cấp độ lĩnh vực nhân học văn hóa – xã hội trong khuôn khổ của cái khung tổng thể.

Sự suy tàn

Dù ASM là một sự kế tiếp lô gic của chức năng luận hay là một sự hợp nhất không bền vững và khó dùng giữa ‘chủ nghĩa Mác’ với ‘văn hóa’, thì nó cũng có ảnh hưởng lâu dài. Đối với Mintz thì sự phát triển như thế là một sự ngạc nhiên nếu nó đã xảy ra. Ông viết rằng: ‘Nếu hầu hết cuộc tranh luận được gọi là Mác-xít dường như cách xa những xã hội thực tiễn đương đại – cũng như hầu hết nó đang là – thì sau đó chẳng có ngành học nào ở trong tình trạng hiện tại dường như ít có thể xảy ra hơn là nhân học Bắc Mỹ (Mintz, Godelier, Trigger & Hoijer 1984: 12). Lý giải của ông về tính không có thực này áp dụng đối với cả nhân học Anh và Mỹ, đã nuôi dưỡng những quan điểm phi lịch sử và điển hình lịch sử, với nước Mỹ xuất hiện những người bản địa da đỏ đương đại trong quá khứ nhằm tránh phải đối diện với họ ở thời điểm hiện tại, trong khi đó nền nhân học Anh lại đã phân tích một cách cẩn thận cái hiện tại của những người bản địa thời thực dân và coi họ như là không có lịch sử, không có quá khứ (Mintz *et al.* 1984: 15). Với lối tư duy này, thì điểm cuối cùng mà không truyền thống nhân học nào cần là một lý thuyết về biến đổi xã hội tách biệt với các phiên bản đó về ‘hiện trạng của ngành học’.

Mintz thừa nhận về nỗ lực của Firth (1975) trong việc giải thích về các nguyên nhân sâu xa, đằng sau cái dường như là ít được chú ý đến chủ nghĩa Mác của nhân học Anh, đó là: (1) một sự mở rộng của sự quan tâm nhân học đối với nghiên cứu thông qua các nhân vật xã hội học quan trọng; (2) một sự thất bại của lý thuyết đương đại trong việc lý giải các biến đổi trong tài liệu nhân học; và (3) một vấn đề về các thể chế và các giá trị đã được thiết lập (nghĩa là một sự thể tục chứ không phải một nhân tố nhân học) (Mintz *et al.* 1984: 17, trích theo Firth 1975: 42). Ông tiếp tục thêm vào bốn thành tố giải thích khác, đó là: (1) công nhận về khoảng cách giữa ‘nguyên thủy’ và ‘văn minh’ có lẽ không lớn như người ta từng nghĩ (và có lẽ chưa bao giờ tồn tại); (2) hiện thực hóa để phác họa đặc trưng chủ đề nhân học như là ‘mông muội’ theo bất kỳ nghĩa nào đều là không đúng chỗ; (3) ý thức được rằng 500 năm phát triển của hệ thống tư bản thế giới đại diện cho ‘một trải nghiệm hoàn toàn khác về mặt định tính đối với con người’; và (4) thừa nhận về khả năng cho rằng các kỹ thuật nhân học trong thực tế có thể áp dụng được ở trong các xã hội lớn, phức tạp (Mintz *et al.* 1984: 17-18).²⁷ Điểm nhấn trong danh mục này vào cấp độ phù hợp giữa sự giải thích và thể giới đối diện với nhân học và đó là một nhận thức về sự thiếu sót mang tính lý giải trong nhân học làm cho tiếp cận Mác-xít phù hợp. ‘Những cuộc tranh luận được gọi là Marxist là một sự trệch hướng (Mintz *et al.* 1984: 12).²⁸

Nếu sự xuất hiện của một chuyên ngành nhân học Marxist là điều không thể diễn ra, thì tàn dư của nó ít ngạc nhiên hơn, nhưng tàn dư của nó không đầy đủ và tính không hoàn thiện này ngụ ý một sự khác biệt quan trọng giữa lý thuyết như là một cách giải thích và lý thuyết như là một bản sắc. Ví dụ, trong khi ASM tàn lụi một phần vì những tài liệu tiêu cực cụ thể về các liên hệ và mối quan hệ của nó với cấu trúc luận và chủ nghĩa Marx, các hiệp hội cấu trúc²⁹ và Marxist đã đạt được một mức độ đáng kính và chấp nhận trong rất nhiều khuynh hướng tài liệu ngữ nghĩa, hậu cấu trúc luận khác nhau được đại diện một cách rất hay trong diễn ngôn nhân học đương đại. Kể cả giai cấp – và chủ nghĩa Mác mang định hướng kinh tế bị coi là một sự thoái lui, ám chỉ về cái bị loại bỏ như là những câu chuyện dân gian, những tự sự về lý thuyết xã hội (see Tyler 1987), thì chủ nghĩa Marx về bản sắc/chính trị văn hóa còn bền vững.³⁰

Kết luận

Cho dù ASM nhìn chung bị coi là *cái lỗi thời*, thì các loại hình cơ bản mà nó tìm cách lý giải đã không biến mất một cách bí ẩn đằng sau sự bày tỏ các quan điểm chuyên gia về 'toàn cầu hóa', các phân tích ASM sớm về tính lâu bền và tính đa dạng của sự phát triển không đồng đều đã bị thay thế một cách thuyết phục bởi những cách lý giải hay hơn.³¹ Thay vào đó, cái mà ASM vạch ra để đạt được có thể đơn giản chỉ là quá khó và không thể đạt được: những phân tích dựa trên diễn dã, mang tính cá thể về những cuộc đụng độ toàn cầu trong số nhiều cái hình bóng đa dạng của chủ nghĩa tư bản và tiền tư bản.³² Chỗ thất bại của nó hầu hết không phải là ở các tham vọng lý thuyết, mà là ở quyền lực và sự phù hợp đối với cảnh quan văn hóa đương đại có thể không thách thức các hệ thống quản lý của hiện đại hóa cũng như thuyết phục bởi sức mạnh của lập luận và số liệu. Điều này không phủ định tham vọng về một 'nền nhân học có tính phê bình cao' như là một ngành khoa học xã hội, song nó lại làm cho ASM tàn lụi.

Một ảnh hưởng khác của sự tàn lụi này và một bằng chứng hiển nhiên ở trường phái văn hóa trong nhân học từ những năm 1980 là phạm vi hiệu quả của nhân học ngày càng được xem là nằm trong khuôn khổ của tính nhân văn hơn là khuynh hướng khoa học xã hội. Có một phép loại suy tương tự với các tình huống của xã hội học như được Burawoy mô tả, người đã ghi chú rằng trong trường hợp ngành học bất chấp tiềm năng của các lập luận ủng hộ và bác bỏ sự theo đuổi các chiến lược đơn ngành và đa ngành, thì cuộc đấu tranh vẫn còn bị định vị 'trong các nền tảng của các xã hội tạo ra chúng. Vì thế mong đợi chúng dịch chuyển là nuông chiều hình ảnh tưởng tượng không tưởng' (2005: 518).

Một đánh giá hoàn toàn khác nhấn mạnh đến vai trò của quan điểm trong rất nhiều các tổng quan hiện nay về hiện trạng lý thuyết nhân học. Ở đây, xu hướng hướng tới việc điều chỉnh, có lẽ là tới mức nghiêm trọng, các mối liên kết với nguồn gốc nhận thức luận của nó mà trong đó một số chia sẻ với xã hội học. Chẳng hạn, trong một tài liệu, Yanagisako viết rằng:

Trong nhân học văn hóa xã hội, những phát triển về phương pháp luận về lý thuyết mang tính đổi mới trong một phần tư thế kỷ qua – bao gồm các tiếp cận phản thân, vị nữ, hậu cấu trúc,

hậu thuộc địa và xuyên quốc gia đối với văn hóa – không phải được tạo ra bởi sự cạnh tranh giữa nhân học văn hóa với các lĩnh vực khác của ngành học; chúng cũng không phải là được thúc đẩy bởi sự cạnh tranh đối với các tiếp cận tiến hóa luận về văn hóa. Thay vào đó, chúng được thúc đẩy bởi sự chưa thỏa mãn ngày càng tăng của các nhà nhân học văn hóa xã hội với những hình thức chi phối của lý thuyết văn hóa bao gồm những cách tiếp cận chức năng luận cấu trúc, quyết định luận kinh tế, tâm lý học, nhận thức và trọng nam kinh nữ. Sự thất vọng này đưa chúng ta đến chỗ xem xét tri thức của các ngành nhân văn và các khoa học xã hội khác (2005: 95-6).

Nhiều trong số cái phụ được đánh giá một cách tích cực đã được trích dẫn trong đoạn trên mô tả một phần sự trao đổi từ bên trong của nhân học, cũng là một đặc tính khác của các khuynh hướng khác trong ngành, bao gồm ASM, nhưng nó vẫn còn là một cuộc tranh luận về việc liệu có động thái phê bình nhân học văn hóa xã hội được phụng sự tốt hơn bởi việc đọc chưa kỹ lưỡng về ‘lý thuyết văn hóa’. ASM giờ đây ít được chú ý và thật nực cười là chẳng có gì nhiều để nói về sự dốt nát của các hiệp hội Marxist (và cấu trúc luận) hơn là với tính chung thủy của nó đối với một nhận thức về các khoa học xã hội tiếp tục thừa nhận những điều kiện của xã hội mà trong đó nó được tạo ra, một sự trái khoáy và không nhất thiết phải là một sự lý giải, không gian của một ‘tri thức ngành học’.

Chú thích

Tôi muốn cảm một số phản biện kín về những nhận xét quý báu của họ. Các bản thảo trước của bài viết cũng được Stephan Feuchtwang, Jonathan Friedman, Keith Hart, Joel Kahn, Mike Rowlands và Mitch Sedgwick đọc nhận xét. Tôi muốn cảm ơn họ.

¹ Ortner's (1984) celebrated article expresses a notion of 'theory' that captures an agency + structure model that is – broadly – uncontroversial in socio-cultural anthropology. Attempts to disaggregate the terms are generally resisted, as in Ingold (2000), for example, and Segal & Yanigasako (2005).

² Wolf observes that it is now difficult to teach anthropology of the former sort in as much as: 'It used to be that we taught our students about the people out there. Now the very same people sit in my classroom [and] explain the virtues of various medicines and the physical power of witchcraft' (Friedman 1987: 117).

³ The 'rationality debate' provides instructive examples (see Wilson 1970).

⁴ The genre of 'reflexive anthropology' has emerged to accommodate this self-consciousness.

⁵ The 'ethnographic present', for example, often has mystifying effects when extended into the 'actual present'.

⁶ ASM is broadly defined. Here it includes both a UK tendency directly shaped by French influences (and with very Althusserian overtones) and a US tendency with different Marxist

sources and much less structuralist affiliation. Although Marxism has different histories in the two national traditions (see Mintz *et al.* 1984), ASM is represented in the simultaneous critique of both fields as exemplified in Asad (1974) and Hymes (1969).

⁷ Ironically, it is precisely Marx and Engel's acknowledgment of holism/interdependence of institutions – prior to the emergence of modern anthropology – that provides such a fundamental link between Marxism and anthropology (see discussion in Bloch 1985: 94).

⁸ Sperber (1985: 60-3) makes a similar point in his critique of relativism.

⁹ See Bloch (1985) and Wessman (1981), as well as Vincent's (1985) review of same.

¹⁰ See Firth (1975) for a UK 'institutional' view. The papers in Hymes (1969) and Asad (1974) provide a thorough overview.

¹¹ See Scholte (1987) for a critical overview.

¹² Sometimes 'non-market' is a synonym.

¹³ Hence, for example, substantivist approaches continue to provide much insight into hidden forms of domestic labour – even in late capitalist settings – whereas formalism does not.

¹⁴ The emphasis is on the *new* modernizationist programme, exemplified by the wide influence of neoliberalism. Another one had been going on for 500 years, globalization theory notwithstanding.

¹⁵ A 'task' still referred back to the ambitions and influences of the founding figures Boas and Malinowski, hardly figures immune to criticism – often damning – but also figures whose successors never managed to supplant them, however frequent the father-killing exercises.

¹⁶ Even if early on it was recognized that the boundedness of such systems was frequently itself an artefact of investigation.

¹⁷ This – the 'testing' of historical materialism on new empirical material – is made abundantly clear in Terray's (1972) early discussions, but he also displays what was to become a typical, and destructive, preoccupation with 'correct reading' of canonical texts. Outside the fog of 'correct reading', claims that Marxist analysis applies only to capitalism imply (1) that a capitalist/non-capitalist interface is beyond analysis and/or (2) that such an analysis cannot be retrospective, such that, by analogy, the appearance of a new species (or previously thought extinct species) would not be appropriate material for biological analysis.

¹⁸ Wallerstein (1974) proposes a different resolution, namely that what the analysis of articulation hints at is the unsuitability of the units of analysis ('societies'), the better unit of analysis being the global capitalist system.

¹⁹ In crucial respects the key question raised by ASM with regard to pre-capitalism within capitalism may be seen as a slightly more emphatic statement of the comparativist goal of structure-functionalist explanation, but going further in seeking to expose a logic of a kind of social reproduction that is apparent in the ethnographic and historical record, namely the co-existence of pre-capitalist and capitalist types of societies.

²⁰ What O'Laughlin seems to object to is not the explanation so much as the lack of theoretical consistency: how, she asks, can Meillassoux be correct in his analysis if he inadvertently displays an 'underlying pattern of evolutionist thought in his work'? (1977: 22) The evolutionist shortcoming is compounded by his alleged functionalism and empiricism, demonized on the same page.

²¹ Although geographically diverse, ASM as represented in an area-based framework is probably most strongly represented in a French colonial African literature focused around the 'lineage of mode of production'.

²² See Taylor (1975; 1976) for detailed critique, and reply by Hindess and Hirst (1977). Also see Rod Aya's review (1976).

²³ It is this work of Meillassoux that forms the subject of the second half of Terray (1972).

²⁴ In the US tradition represented by Wolf and Mintz, the issue of articulation is treated differently and is not the novelty it is in a European context, perhaps – as Mintz (Mintz *et al.* 1984) implies – because of the different character of the US 'colonials' (internal: Indians).

²⁵ The same holds for such US collections as Littlefield & Gates (1991).

²⁶ Both Lévi-Strauss and Godelier drew on Saussurean and computational notions of 'system'.

²⁷ In this, Mintz turns the table on Terray (and certain critics of Marxist anthropology), by asking not if historical materialism worked on the primitive, but whether anthropology worked on the non-primitive.

²⁸ A distraction which, in Friedman (1987: 133), led to 'self-destruction'.

²⁹ Maurice Henry's classic cartoon of founding-figure structuralists depicts a fleeting unity. Wearing grass skirts, Foucault, Lacan, Lévi-Strauss, and Barthes converse beneath a palm tree (*La Quinzaine Lettrée*, 1 July 1967).

³⁰ This has given rise to the odd designation *post-Marxism*, indicating a rejection whose authority is derived in great part precisely from its association with Marxism.

³¹ For comparative purposes see 'The persistence of underdevelopment: institutions, human capital, or constituencies?' (Rajan & Zingales 2006, published by the National Bureau of Economic Research), in which the underlying cause of underdevelopment is attributed to the 'initial distribution of factor endowments', even though conceding that this distribution may well be 'a legacy of the colonial past'.

³² Among the other liabilities: preponderance of qualitative rather than quantitative methods; long training times; extended time in the field; small size and poor funding in relation to other social sciences; advocacy of interests of others; etc.

REFERENCES

- ASAD, T. (ed.) 1974. *Anthropology and the colonial encounter*. London: Ithaca Press.
- AYA, R. 1976. Pre-capitalist modes of production (review). *Economy and Society* **3**, 623-9. [Links](#)
- BESTEMAN, C. & H. GUSTERMAN 2005. *Why America's top pundits are wrong: anthropologists talk back* (California Series in Public Anthropology **13**). Los Angeles: University of California Press.
- BLOCH, M. (ed.) 1975. *Marxist analyses and social anthropology*. London: Malaby Press.
- BLOCH, M. (ed.) 1985. *Marxism and anthropology: the history of a relationship*. Oxford: University Press.
- BURAWOY, M. 2005. Provincializing the social sciences. In *The politics of method in the human sciences: positivism and its epistemological others* (ed.) G. Steinmetz, 508-25. Durham, N.C.: Duke University Press.
- CLIFFORD, J. & G. MARCUS (eds) 1986. *Writing culture: the poetics and politics of ethnography*, Berkeley: University of California Press.
- ERIKSEN, T.H. & F.S. NIELSEN 2001. *A history of anthropology*. London: Pluto Press.
- FIRTH, R. 1975. The sceptical anthropologist? Social anthropology and Marxist views on society. In *Marxist analyses and social anthropology* (ed.) M. Bloch, 29-60. London: Malaby Press.
- FOSTER-CARTER, A. 1979. The mode of production controversy. *New Left Review* **107**, 47-78. [Links](#)
- FRIEDMAN, J. 1975. *Tribes, states and transformations* . In *Marxist analyses and social anthropology* (ed.) M. Bloch, 161-202. London: Malaby Press.
- FRIEDMAN, J. 1987. An interview with Eric Wolf. *Current Anthropology* **28**, 107-18. [Links](#)
- GODELIER, M. 1972. *Rationality and irrationality in economics*. London: New Left Books.
- HINDESS, B. & P. HIRST 1975. *Precapitalist modes of production*. London: Routledge.
- HINDESS, B. & P. HIRST 1977. Mode of production and social formation in *Pre-capitalist modes of production: a reply to John Taylor*. *Critique of Anthropology* **8**: 2, 49-58. [Links](#)
- HYMES, D. (ed.) 1969. *Reinventing anthropology*. New York: Pantheon.

- INGOLD, T. 2000. *The perception of the environment: essays on livelihood, dwelling and skill*. London: Routledge.
- KAHN, J. 1975. Economic scale and the cycle of petty commodity production in W. Sumatra. In *Marxist analyses and social anthropology* (ed.) M. Bloch, 137-58. London: Malaby Press.
- KAHN, J. 1981. *Minangkabau social formations: Indonesian peasants and the world-economy*. Cambridge: University Press.
- KAHN, J. & J. Llobera 1981. Towards a new Marxism or a new anthropology. In *The anthropology of pre-capitalist societies* (eds) J. Kahn & J. Llobera, 263-329. London: Macmillan.
- LÉVI-STRAUSS, C. 1961. *Tristes tropiques* (trans. J. & D. Weightman). London: Hutchinson.
- LITTLEFIELD, A. & H. GATES (eds) 1991. *Marxist approaches in economic anthropology*. Lanham, Md.: University Press of America.
- MEILLASSOUX, C. 1964. *L'anthropologie économique des Gourou de Côte d'Ivoire*. Paris: Mouton.
- MEILLASSOUX, C. 1981. *Maidens, meal and money* (trans. F. Edholm). Cambridge: University Press.
- MINTZ, S., M. GODELIER, B. TRIGGER & H. HOIJER 1984. *On Marxian perspectives in anthropology: essays in honor of Harry Hoijer, 1981*. Malibu: Undena Publications.
- O'LAUGHLIN, B. 1974. Mediation of contradiction: why Mbum women do not eat chicken. In *Women, culture and society* (eds) M. Rosaldo, L. Lamphere & J. Bamberger, 301-39. Stanford: University Press.
- O'LAUGHLIN, B. 1977. Production and reproduction: Meillassoux's *Femmes, greniers et capitaux* (review). *Critique of Anthropology* 8: 2, 3-32. [Links](#)
- ORTNER, S. 1984. Theory of anthropology since the sixties. *Comparative Studies in Society and History* 26, 126-66. [Links](#)
- POLANYI, K. 1944. *The great transformation*. New York: Rinehart & Company.
- PRICE, D.H. 2004. *Threatening anthropology: McCarthyism and the FBI's surveillance of activist anthropologists*. Durham, N.C.: Duke University Press.
- RAJAN, R. & L. ZINGALES 2006. The persistence of underdevelopment: in stitutions, human capital, or constituencies? (NBER Working Paper **12093**). New York: National Bureau for Economic Research.
- ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTION OF GREAT BRITAIN AND IRELAND 1960. *Notes and queries on anthropology*. London: Routledge.
- SACKS, K. 1979. *Sisters and wives: the past and future of sexual equality*. Westport, Conn.: Greenwood Press.
- SAHLINS, M. 1972. *Stone Age economics*. Chicago: Aldine.
- SCHOLTE, R. 1987. The literary turn in contemporary anthropology. *Critique of Anthropology* 7: 1, 33-47. [Links](#)
- SEGAL, D.A. & S.J. YANAGISAKO (eds) 2005. *Unwrapping the sacred bundle: reflections on the disciplining of anthropology*. Durham, N.C.: Duke University Press.

- SNOW, C.P. 1993 [1959]. *The two cultures*. Cambridge:University Press.
- SPENCER, J. 1996. Marxism and anthropology. In *Encyclopedia of social and cultural anthropology* (eds) A. Barnard & J. Spencer, 352-4. London: Routledge.
- SPERBER, D. 1985. *On anthropological knowledge*. Cambridge: University Press.
- TAYLOR, J. 1975. Pre-capitalist modes of production, Pt. I. *Critique of Anthropology* 4-5, 127-55. [Links](#)
- TAYLOR, J. 1976. Pre-capitalist modes of production, Pt. II. *Critique of Anthropology* 6: 2, 56-69. [Links](#)
- TERRAY, E. 1972. *Marxism and primitive societies*. New York: Monthly Review Press.
- TYLER, S. 1987. Stil rayting. *Critique of Anthropology* 7: 1, 49-51. [Links](#)
- VINCENT, J. 1985. Anthropology and Marxism: past and present (review). *American Ethnologist* 12:1, 137-47. [Links](#)
- WALLERSTEIN, I. 1974. *The modern world system*. New York: Academic Press.
- WESSMAN, J. 1981. *Anthropology and Marxism*. Cambridge, Mass.: Schenkman Publishing.
- WILSON, B. (ed.) 1970. *Rationality*. Oxford: Blackwell.
- WOLF, E. 1981. The mills of inequality: a Marxian approach. In *Social inequality: comparative and developmental approaches* (ed.) G. Berreman, 41-57. New York: Academic Press.
- WOLF, E. 1982. *Europe and the people without history*. Berkeley: University of California Press.
- WOLF, E. 1994. Demonization of anthropologists in the Amazon. *Anthropology Newsletter*, Mar., 2.
- WOLPE, H. 1972. Capitalism and cheap labour in South Africa: from segregation to apartheid. *Economy and Society* 1, 425-56. [Links](#)
- YANAGISAKO, S.J. 2005. Flexible disciplinarity: beyond the Americanist tradition. In *Unwrapping the sacred bundle: reflections on the disciplining of anthropology* (eds) D. Segal & S. Yanagisako, 78-98. Durham, N.C.: Duke University Press.

Quelques réflexions sur le marxisme structurel en anthropologie

Résumé

Le principal sujet de cette discussion est la brève carrière du marxisme structuraliste en anthropologie et la possibilité qu'il soit, malgré tout, encore pertinent. Ce problème se situe dans une autre problématique plus générale : sur quelle base les théories explicatives sont-elles adoptées et rejetées en anthropologie ? La discussion du marxisme structuraliste s'inscrit dans les débats récents sur l'opportunité des associations traditionnelles de l'anthropologie socioculturelle avec d'autres sous-domaines de l'anthropologie. L'auteur avance que l'isolement des sous-domaines est une régression au niveau de la théorie.

Stephen Nugent giảng dạy về nhân học ở Goldsmiths College, University of London và the Institute for the Study of the Americas. Xuất bản của ông tập trung vào các chủ đề lịch sử tộc người và kinh tế nông dân ở khu vực Amazon thuộc Brazil và hiện ông là Giám đốc Trung tâm Nhân học hình ảnh ở Goldsmiths.